

**TUYÊN BỐ TIẾT LỘ KHOẢN VAY THỂ CHẤP – ĐÁNH GIÁ THIÊN Ý**  
**TỜ THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM KHOẢN VAY THỂ CHẤP PHI TRUYỀN THỐNG (CÁC ĐƠN VỊ**  
**DÂN CƯ MỘT ĐẾN BỐN) (RE885)**

**KHI CẦN SỬ DỤNG MẪU ĐƠN NÀY**

**CÁC SẢN PHẨM CHO VAY PHI TRUYỀN THỐNG – PHẢI SỬ DỤNG MẪU ĐƠN NÀY KHI SẢN PHẨM CHO VAY ĐƯỢC CUNG CẤP CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG CHO PHÉP NGƯỜI VAY TRÌ HOẢN TÁI THANH TOÁN TIỀN GỐC HOẶC TIỀN LÃI VÀ ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI MỘT KHU BẤT ĐỘNG SẢN DÂN CƯ ĐƠN VỊ 1 ĐẾN 4 BẤT KỂ ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CHỦ SỞ HỮU HAY NGƯỜI KHÔNG PHẢI CHỦ SỞ HỮU.**

Quy Định 2842 của Ủy Viên Hội Đồng định nghĩa một sản phẩm cho vay phi truyền thống là “*một khoản vay cho phép người vay trì hoãn tái thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi. Những sản phẩm như thế gồm có, nhưng không giới hạn ở các khoản vay chỉ tính lãi trong đó người vay không phải thanh toán tiền gốc của khoản vay trong một khoản thời gian và những khoản vay tùy chọn thanh toán trong đó ít nhất một tùy chọn thanh toán có thể dẫn đến việc chuyển nhượng tiêu cực. Một “sản phẩm cho vay phi truyền thống” không bao gồm các khoản vay thể chấp ngược hoặc các khoản tín dụng dựa trên tài sản nhà ở (ngoài các khoản vay thể chấp thứ hai đồng thời).*”

Nếu sản phẩm cho vay **KHÔNG** phải là một sản phẩm cho vay phi truyền thống, có thể sử dụng mẫu đơn RE882 hoặc RE883.

**BẤT ĐỘNG SẢN BẢO ĐẢM CHO KHOẢN VAY** – Mẫu đơn này chỉ được sử dụng khi bất động sản bảo đảm cho khoản vay phi truyền thống là một khu bất động sản dân cư đơn vị 1 đến 4 bất kể được sử dụng bởi chủ sở hữu hay người không phải chủ sở hữu. Khi bất động sản bảo đảm cho khoản vay **KHÔNG** phải là một khu bất động sản dân cư đơn vị 1 đến 4, có thể sử dụng mẫu đơn RE882 hoặc RE883.

**LỜI KHUYÊN ĐỂ ĐIỀN MẪU ĐƠN NÀY**

Trang 1 – Thanh toán cho Người Môi Giới (Không Được Thanh Toán từ Tiền Thu Được Từ Khoản Vay) – Mục này được điền để tiết lộ bất kỳ khoản thanh toán nào được người môi giới nhận từ người cho vay dưới dạng hoa lợi/tiền hưởng chênh lệch, phí phát hành dịch vụ hoặc bất kỳ khoản giảm giá hoặc thanh toán nào khác.

Trang 2 - Mục III – Nếu đánh dấu chọn ô “Initial Adjustable Rate” (Tỉ Suất Có Thể Điều Chỉnh Ban Đầu), hãy hoàn tất các mục từ IV đến XI. Nếu đánh dấu chọn ô “Fixed Rate” (Tỉ Suất Cố Định) và khoản vay chỉ có tiền lãi hoặc tính năng thanh toán chuyển nhượng tiêu cực, hãy bỏ qua các mục từ IV đến IX và hoàn tất các mục X và XI khi thích hợp.

Trang 3 – Chứng Nhận – Nếu có bất kỳ hoặc toàn bộ các cột ở trang 4, mục XIX, trừ cột cuối cùng “Proposed Loan” (Khoản Vay Đề Xuất), trong phần Typical Mortgage Transactions (Các Giao Dịch Vay Thể Chấp Điển Hình) trong mẫu đơn chưa được hoàn tất, người môi giới **PHẢI** đọc và điền vào Chứng Nhận ở trang 3.

Trang 4 - Mục XIX – So Sánh Các Tính Năng Khoản Vay Thể Chấp Mẫu (Các Đơn Vị Dân Cư Một Đến Bốn) – Sử dụng “Instructional Guide for Nontraditional Loan Disclosure (Hướng Dẫn về Tiết Lộ Khoản Vay Phi Truyền Thống) (Trang 4)” tìm thấy trên trang web của DRE tại [www.dre.ca.gov/firm\\_forms.html](http://www.dre.ca.gov/firm_forms.html) và đến mục Mortgage Lending Brokers (Người Môi Giới Cho Vay Thể Chấp). Nếu người môi giới không cung cấp ít nhất một sản phẩm cho vay so sánh, phải đánh dấu chọn “not offered” (không được cung cấp) cho sản phẩm cho vay cụ thể đó. Tuy nhiên, người môi giới phải cung cấp thông tin cần thiết ở tất cả các cột trừ những cột trong đó người môi giới đã xử lý **CHỨNG NHẬN** ở trang 3 của mẫu đơn RE885.

VUI LÒNG KHÔNG ĐỂ TRỐNG BẤT KỲ DÒNG HOẶC CHỖ TRỐNG NÀO.

Sau khi điền xong, mẫu đơn này phải được người môi giới hoặc đại diện của người môi giới ký tên và được trao cho người vay trong vòng BA (3) NGÀY KỂ TỪ KHI NHẬN ĐƯỢC ĐƠN XIN VAY BẰNG VĂN BẢN ĐÃ ĐIỀN CỦA NGƯỜI VAY.

MỘT BẢN SAO CỦA MẪU ĐƠN NÀY ĐƯỢC NGƯỜI VAY KÝ TÊN PHẢI ĐƯỢC NGƯỜI MÔI GIỚI GIỮ LẠI TRONG THỜI GIAN BA (3) NĂM.

# TUYÊN BỐ TIẾT LỘ KHOẢN VAY THẾ CHẤP/ĐÁNH GIÁ THIỆN Ý SẢN PHẨM VAY THẾ CHẤP PHI TRUYỀN THỐNG (CÁC ĐƠN VỊ CƯ DÂN TỪ MỘT ĐẾN BỐN)

RE 885 (Rev. 8/08)

Tên Của Người Vay: \_\_\_\_\_

Thế Chấp Bất Động Sản: Sự đảm bảo nhằm đến đối với khoản vay đề xuất này sẽ là một Chứng Thư về (địa chỉ đường hoặc mô tả pháp lý) \_\_\_\_\_

Tuyên Bố Tiết Lộ Khoản Vay Thế Chấp/Đánh Giá Thiện Ý kết hợp này được cung cấp bởi \_\_\_\_\_, một người môi giới bất động sản hoạt động với tư cách một nhà môi giới vay thế chấp, tuân theo Đạo Luật về Các Thủ Tục Giải Quyết Bất Động Sản Liên Bang (RESPA) nếu phù hợp và luật tiêu bang California tương tự. Trong một giao dịch theo RESPA, người cho vay sẽ cung cấp cho quý vị một bản Đánh Giá Thiện Ý bổ sung trong vòng ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn xin vay của quý vị. Quý vị cũng sẽ được thông báo về những thay đổi thực tế trước khi thực hiện/đóng khoản bảo đảm. Tên của người cho vay nhằm đến là người sẽ nhận được đơn xin vay của quý vị:

Chưa biết  \_\_\_\_\_ (Tên của người cho vay, nếu biết)

## ĐÁNH GIÁ THIỆN Ý VỀ CHI PHÍ ĐÓNG TÀI KHOẢN

Thông tin được cung cấp bên dưới phản ánh con số ước tính các chi phí quý vị có khả năng phải chịu khi lập khoản vay. Các khoản lệ phí, hoa hồng, chi phí và phí tổn được liệt kê là những con số ước tính; các khoản phí thực có thể thấp hơn hoặc cao hơn. Giao dịch của quý vị có thể không có một khoản phí đối với từng mục được liệt kê và các hạng mục bổ sung được tính sẽ được liệt kê. Những số liệu được liệt kê bên cạnh số ước tính nói chung tương ứng với những dòng đánh số có trong Tuyên Bố Giải Quyết HUD-1 mà quý vị sẽ nhận được nếu giao dịch này tuân theo RESPA. Tuyên Bố Giải Quyết HUD-1 chứa chi phí thực đối với những hạng mục được thanh toán lúc thực hiện khoản vay. Khi giao dịch tuân theo RESPA, bằng cách ký tên vào trang bốn của mẫu đơn này quý vị cũng xác nhận rằng đã nhận được Hướng Dẫn của HUD về Các Chi Phí Giải Quyết.

| HUD-1       | Hạng mục  | Trả cho Người Khác | Trả cho Người Môi Giới |
|-------------|---|--------------------|------------------------|
| <b>800</b>  | <b>Các Hạng Mục Phải Trả Liên Quan Đến Khoản Vay</b>          |                    |                        |
| 801         | Phí Nguồn Gốc Khoản Vay Của Người Cho Vay                     | \$ _____           | \$ _____               |
| 802         | Phí Giảm Giá Khoản Vay Của Người Cho Vay                      | \$ _____           | \$ _____               |
| 803         | Phí Thẩm Định   | \$ _____           | \$ _____               |
| 804         | Báo Cáo Tín Dụng  | \$ _____           | \$ _____               |
| 805         | Phí Kiểm Tra Của Người Cho Vay                                | \$ _____           | \$ _____               |
| 808         | Tiền Hoa Hồng/Phí Dành Cho Người Môi Giới Vay Thế Chấp        | \$ _____           | \$ _____               |
| 809         | Phí Dịch Vụ Thuế  | \$ _____           | \$ _____               |
| 810         | Phí Xử Lý   | \$ _____           | \$ _____               |
| 811         | Phí Bảo Hiểm  | \$ _____           | \$ _____               |
| 812         | Phí Chuyển Ngân Hữu Tuyến                                     | \$ _____           | \$ _____               |
|             |   | \$ _____           | \$ _____               |
| <b>900</b>  | <b>Các Hạng Mục Do Người Cho Vay Yêu Cầu Thanh Toán Trước</b> |                    |                        |
| 901         | Tiền lãi trong ____ ngày ở mức \$ _____ mỗi ngày              | \$ _____           | \$ _____               |
| 902         | Phí Bảo Hiểm Vay Thế Chấp                                     | \$ _____           | \$ _____               |
| 903         | Phí Bảo Hiểm Rủi Ro   | \$ _____           | \$ _____               |
| 904         | Thuế Bất Động Sản Của Hạt                                     | \$ _____           | \$ _____               |
| 905         | Phí Tài Trợ VA  | \$ _____           | \$ _____               |
|             |   | \$ _____           | \$ _____               |
| <b>1000</b> | <b>Khoản Dự Trữ Ký Gửi với Người Cho Vay</b>                  |                    |                        |
| 1001        | Bảo Hiểm Rủi Ro: ____ tháng ở mức \$ _____ /th.               | \$ _____           | \$ _____               |
| 1002        | Bảo Hiểm Vay Thế Chấp: ____ tháng ở mức \$ _____ /th.         | \$ _____           | \$ _____               |
| 1004        | Thuế Bất Động Sản Của Hạt: ____ tháng ở mức \$ _____ /th.     | \$ _____           | \$ _____               |
|             |   | \$ _____           | \$ _____               |
| <b>1100</b> | <b>Phí Quyền Sở Hữu</b>                                       |                    |                        |
| 1101        | Phí Lập hoặc Đóng/Bảo Đảm                                     | \$ _____           | \$ _____               |
| 1105        | Phí Lập Tài Liệu  | \$ _____           | \$ _____               |
| 1106        | Phí Công Chứng  | \$ _____           | \$ _____               |
| 1108        | Bảo Hiểm Quyền Sở Hữu   | \$ _____           | \$ _____               |
|             |   | \$ _____           | \$ _____               |
| <b>1200</b> | <b>Các Khoản Phí Lưu Trữ và Chuyển Giao của Chính Phủ</b>     |                    |                        |
| 1201        | Phí Lưu Trữ   | \$ _____           | \$ _____               |
| 1202        | Thuế/Tem Thuế của Thành Phố/Hạt                               | \$ _____           | \$ _____               |
|             |   | \$ _____           | \$ _____               |
| <b>1300</b> | <b>Phí Giải Quyết Bổ Sung</b>                                 |                    |                        |
| 1302        | Kiểm Tra Ngụy Cơ  | \$ _____           | \$ _____               |
|             |   | \$ _____           | \$ _____               |

**Tổng Số Phụ Phí Ban Đầu, Tiền Hoa Hồng, Chi Phí và Phí Tổn** \$ \_\_\_\_\_ \$ \_\_\_\_\_

**Tổng Phí Ban Đầu, Tiền Hoa Hồng, Chi Phí và Phí Tổn** \$ \_\_\_\_\_

**Thanh Toán Cho Người Môi Giới (Không Được Thanh Toán Từ Số Tiền Thu Từ Khoản Vay):**

Tiền Hoa Hồng/Phí Dành Cho Người Môi Giới Vay Thế Chấp \$ \_\_\_\_\_

Bất Kỳ Khoản Thanh Toán Bổ Sung Nào từ Người Cho Vay  Không  Có \_\_\_\_\_ \$

(Tiền Hưởng Chênh Lệch Hoa Lợi Xấp Xi hoặc Khoản Giảm Giá Khác)

**THÔNG TIN TIẾT LỘ BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA CALIFORNIA**

I. Số Tiền Khoản Vay Đề Xuất: \$ \_\_\_\_\_  
 Tiền Hoa Hồng, Lệ Phí, Chi Phí và Phí Tồn Ban Đầu Được Tóm Lược ở Trang 1:  
 \$ \_\_\_\_\_

Khoản Thanh Toán Các Trách Nhiệm Khác (Liệt Kê):  
 Bảo Hiểm Kỳ Hạn Tín Dụng và/hoặc Mất Khả Năng Tín Dụng  
 (xem XIV bên dưới) \$ \_\_\_\_\_  
 \$ \_\_\_\_\_  
 \$ \_\_\_\_\_

**Tổng Phụ Của Tất Cả Các Khoản Khấu Trừ:** \$ \_\_\_\_\_

**Tiền Mặt Ước Tính khi Đóng**  **Được Thanh Toán Cho Quý Vị**  **Quý vị phải thanh toán \$** \_\_\_\_\_

II. Kỳ Hạn Khoản Vay Đề Xuất: \_\_\_\_\_  Năm  Tháng

III. Lãi Suất Đề Xuất: \_\_\_\_\_%  Lãi Suất Cố Định \_\_\_\_\_  Lãi Suất Có Thể Điều Chỉnh Ban Đầu  
**Nếu đánh dấu chọn Ô Lãi Suất Cố Định trong Mục III ngay bên trên, hãy đến mục X. Không điền vào các mục từ IV đến IX.**

IV. Lãi Suất Có Thể Điều Chỉnh Ban Đầu có hiệu lực trong \_\_\_\_\_ Tháng

V. Lãi Suất Được Lập Chi Mục Đầy Đủ \_\_\_\_\_%

VI. Lãi Suất Tối Đa \_\_\_\_\_%

VII. Khoản Thanh Toán Khoản Vay (Tối Thiểu) Ban Đầu \$ \_\_\_\_\_ Hàng Tháng

VIII. Lãi Suất Có Thể Tăng \_\_\_\_\_% mỗi \_\_\_\_\_ Tháng

IX. Các Tùy Chọn Thanh Toán kết thúc sau \_\_\_\_\_ Tháng hoặc \_\_\_\_\_% Số Dư Ban Đầu, bất kể điều kiện nào xuất hiện trước

X. Sau \_\_\_\_\_ tháng quý vị sẽ không có tùy chọn thực hiện khoản thanh toán tối thiểu hoặc chỉ thanh toán tiền lãi và sự chuyển nhượng tiêu cực (tăng trong số dư tiền gốc của quý vị), nếu có, sẽ không được chấp nhận nữa. Giả sử quý vị đã thực hiện thanh toán tối thiểu, quý vị sau đó có thể phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi \$ \_\_\_\_\_ ở mức lãi suất tối đa có hiệu lực trong \_\_\_\_\_ tháng còn lại của khoản vay. **Những khoản thanh toán này sẽ cao hơn đáng kể so với các khoản thanh toán tối thiểu hoặc chỉ thanh toán tiền lãi.**

XI. Nếu khoản vay của quý vị có sự chuyển nhượng tiêu cực, tại thời điểm không có sự chuyển nhượng tiêu cực nào được tích lũy, số dư khoản vay của quý vị sẽ là \$ \_\_\_\_\_ giả sử đã thực hiện khoản thanh toán tối thiểu.

XII. Khoản vay này có khoản thanh toán tăng dần vào cuối kỳ:  Không  Có. Nếu Có, đoạn sau đây được áp dụng và khoản thanh toán tăng dần vào cuối kỳ sau cùng là \$ \_\_\_\_\_ sẽ đáo hạn vào \_\_\_/\_\_\_/\_\_\_ [estimated date (month/day/year)].

**NGƯỜI VAY LƯU Ý: NẾU QUÝ VỊ KHÔNG CÓ TIỀN ĐỂ TRẢ KHOẢN THANH TOÁN TĂNG DẦN VÀO CUỐI KỲ KHI ĐÁO HẠN, QUÝ VỊ CÓ THỂ PHẢI XIN VAY KHOẢN MỚI DỰA TRÊN TÀI SẢN CỦA MÌNH ĐỂ THỰC HIỆN THANH TOÁN TĂNG DẦN VÀO CUỐI KỲ. TRONG TRƯỜNG HỢP ĐÓ, QUÝ VỊ CÓ THỂ LẠI PHẢI TRẢ TIỀN HOA HỒNG, LỆ PHÍ, VÀ CÁC CHI PHÍ ĐỂ BỔ TRÍ KHOẢN VAY MỚI. NGOÀI TRA, NẾU QUÝ VỊ KHÔNG THỂ THỰC HIỆN THANH TOÁN HÀNG THÁNG HOẶC KHOẢN THANH TOÁN TĂNG DẦN VÀO CUỐI KỲ, QUÝ VỊ CÓ THỂ MẤT TÀI SẢN VÀ TOÀN BỘ TÀI SẢN VÌ BỊ TỊCH THU. HÃY GHI NHỚ KHI QUYẾT ĐỊNH SỐ TIỀN VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA KHOẢN VAY NÀY.**

XIII. Tái thanh toán: Khoản vay đề xuất có những điều khoản tái thanh toán như sau:

Không có khoản phạt thanh toán trước (quý vị sẽ không phải thanh toán khoản phạt vì trả hết hoặc hoàn trả để vay trước khi đến kỳ hạn thanh toán)

Quý vị sẽ phải trả một khoản phạt thanh toán trước nếu khoản vay được thanh toán hết hoặc hoàn trả để vay thêm trong \_\_\_\_\_ năm đầu tiên. Khoản phạt thanh toán trước có thể lên đến \$ \_\_\_\_\_. Bất kỳ khoản thanh toán tiền gốc trước nào vượt quá 20% giá trị

số dư khoản vay ban đầu hoặc

số dư chưa thanh toán

trong \_\_\_\_\_ năm đầu tiên sẽ gồm có một khoản phạt không vượt quá \_\_\_\_\_ tháng số tiền lãi ở mức lãi suất đã ghi nhưng không quá số tiền lãi quý vị sẽ phải thanh toán nếu khoản vay được thanh toán đúng kỳ hạn.

Khác – quý vị sẽ phải trả khoản phạt thanh toán trước nếu khoản vay được thanh toán hết hoặc được hoàn trả để vay thêm trong \_\_\_\_\_ năm đầu tiên như sau:

\_\_\_\_\_

XIV. Thuế và Bảo Hiểm:

Sẽ có một tài khoản bảo lãnh (khé ước) sẽ thu xấp xỉ \$ \_\_\_\_\_ mỗi tháng ngoài khoản thanh toán tiền gốc và tiền lãi của quý vị để thanh toán  thuế bất động sản của hạt\*  bảo hiểm rủi ro  bảo hiểm vay thế chấp  bảo hiểm lũ lụt  khác.

Nếu không có tài khoản đảm bảo (khé ước) quý vị sẽ phải có kế hoạch thanh toán • thuế bất động sản của hạt\* • bảo hiểm rủi ro • bảo hiểm vay thế chấp • bảo hiểm lũ lụt • khác \_\_\_\_\_ xấp xỉ \$ \_\_\_\_\_ mỗi năm.

\* Trong một giao dịch mua hàng, thuế bất động sản của hạt được tính dựa trên giá bán của bất động sản và có thể đòi hỏi người cho vay của quý vị (nếu được đảm bảo) hoặc quý vị (nếu không được đảm bảo) thanh toán một khoản thuế bổ sung (phụ thêm) từ cơ quan thuế vụ của hạt.

XV. Bảo Hiểm Kỳ Hạn Tín Dụng và/hoặc Mất Khả Năng Tín Dụng: Việc mua bảo hiểm kỳ hạn tín dụng và/hoặc mất khả năng tín dụng của người vay KHÔNG cần thiết để làm điều kiện thực hiện khoản vay đề xuất này.

XVI. Những Khoản Thế Chấp Khác: Hiện có những khoản thế chấp dựa trên tài sản này thuộc trách nhiệm của người vay hay không?  Không  Có  
 Nếu Có, hãy mô tả bên dưới

Tên Của Người Giữ Thẻ Chấp

Số Tiền Nợ

Ưu tiên

Các khoản thẻ chấp vẫn còn hoặc được dự tính còn dựa trên tài sản này sau khi khoản vay đề xuất quý vị đang xin được lập hoặc bố trí (kể cả khoản vay đề xuất quý vị đang đăng ký):

Tên Của Người Giữ Thẻ Chấp

Số Tiền Nợ

Ưu tiên

NGƯỜI VAY LƯU Ý: Hãy đảm bảo rằng quý vị cho biết số tiền của tất cả các khoản thẻ chấp càng chính xác càng tốt. Nếu quý vị hợp đồng với người môi giới để bố trí khoản vay này, nhưng không thể bố trí vì quý vị không cho biết chính xác những khoản thẻ chấp này, quý vị có thể phải chịu trách nhiệm trả tiền hoa hồng, lệ phí và các phí tổn mặc dù quý vị không vay được.

XVII. Tuân Thủ Điều 7: Nếu khoản vay này được đảm bảo bởi chứng thư về nhà ở trong số tiền gốc dưới \$30,000 hoặc được đảm bảo bởi một khoản thẻ chấp phụ trên nhà ở trong số tiền gốc dưới \$20,000, người môi giới ký tên dưới đây chứng nhận rằng khoản vay sẽ được thực hiện tuân theo Điều 7 Chương 3 của Luật Bất Động Sản.

A. Khoản vay này  có thể  sẽ  sẽ không được lập toàn bộ hoặc từng phần từ số tiền do người môi giới nắm giữ như định nghĩa trong Mục 10241(j) của luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

B. Nếu người môi giới cho thấy trong tuyên bố bên trên rằng khoản vay "có thể" được thực hiện từ tiền do người môi giới kiểm soát, thì người môi giới phải thông báo cho người vay trước khi đóng khoản bảo đảm nếu số tiền được người vay nhận thực sự là tiền do người môi giới kiểm soát.

XVIII. Khoản vay này dựa trên tài liệu hạn chế hoặc không có tài liệu về thu nhập và/hoặc tài sản của quý vị và có thể có lãi suất cao hơn, hoặc có nhiều điểm thanh toán hoặc nhiều khoản phí hơn các sản phẩm khác cần tài liệu:  Không  Có

## NGƯỜI VAY LƯU Ý

**Nếu bất kỳ cột nào trong mục XIX, So Sánh Các Tính Năng Khoản Vay Thẻ Chấp Mẫu, ở trang 4 của mẫu đơn RE 885 này không được hoàn tất, quý vị phải xác nhận những nội dung sau:**

### XÁC NHẬN

Tôi, \_\_\_\_\_, bằng cách này xác nhận (hoặc tuyên bố) rằng việc không hoàn tất thông tin trong bất kỳ hoặc toàn bộ các cột (trừ cột cuối cùng "Khoản Vay Đề Xuất" trong phần Các Giao Dịch Vay Thẻ Chấp Điền Hình của mẫu đơn RE 885 này) hoặc vì (1) sau khi tìm kiếm kỹ, tôi đã xác định rằng sản phẩm được ghi trong cột đó không được người cho vay thẻ chấp dành cho người tiêu dùng, hoặc (2) người vay, là người được áp dụng mẫu đơn này, không đủ tiêu chuẩn đối với sản phẩm cụ thể đó.

Tôi xác nhận (hoặc tuyên bố) theo khoản trừng phạt tội khai man của luật pháp Tiểu Bang California rằng những điều trên là đúng và chính xác.

Chữ Ký của Người Môi Giới

Ngày tháng

**ĐỂ TRỞNG CÓ CHỦ Ý**

**CÁC GIAO DỊCH VAY THẾ CHẤP ĐIỂN HÌNH**

|   |   |  |  |   |   |  |
|---|---|--|--|---|---|--|
| <b>SỐ TIỀN KHOẢN VAY ĐỀ XUẤT</b> _____<br><br><b>KỲ HẠN</b> _____-NĂM | <b>Tiền Gốc và Tiền Lãi</b><br><b>Chuyển Nhượng Toàn Bộ</b><br><input type="checkbox"/> Không Được Cung Cấp*              | <b>Chỉ Tính Lãi</b><br><b>Chuyển Nhượng Toàn Bộ</b><br><input type="checkbox"/> Không Được Cung Cấp* | <b>KỲ HẠN 5/1</b><br><b>Chuyển Nhượng Toàn Bộ</b><br><input type="checkbox"/> Không Được Cung Cấp*   | <b>Chỉ Tính Lãi</b><br><b>Chuyển Nhượng Toàn Bộ</b><br><input type="checkbox"/> Không Được Cung Cấp*  | <b>Thanh Toán Tùy Chọn</b><br><b>Chuyển Nhượng Toàn Bộ</b><br><input type="checkbox"/> Không Được Cung Cấp*   | <b>Loại Khoản Vay Đề Xuất:</b><br><br><b>Loại Chuyển Nhượng:</b> |
|   | <b>Lãi Suất Cố Định</b><br>(_____%)<br><br><b>Lãi Suất Cố Định</b><br>(_____%)<br><br><b>Chỉ Tính Lãi trong 5 Năm Đầu</b> | <b>Lãi Suất Cố Định</b><br>(_____%)<br><br><b>Chỉ Tính Lãi trong 5 Năm Đầu</b>                       | <b>Lãi Suất Cố Định trong 5 Năm Đầu; Có Thể Điều chỉnh Mỗi Năm Sau 5 Năm Đầu (Lãi suất ban đầu đối với 1 đến 5 là _____%; Lãi Suất Tối Đa là _____%)</b> | <b>Chỉ Tính Lãi và Lãi Suất Cố Định trong 5 Năm Đầu; Lãi Suất Có Thể Điều chỉnh Mỗi Năm Sau 5 Năm Đầu (Lãi suất ban đầu đối với 1 đến 5 là _____%; Lãi Suất Tối Đa là _____%)</b> | <b>Lãi Suất Điều chỉnh Được cho Toàn Bộ Kỳ Hạn của Khoản Vay Thế Chấp (Lãi suất trong tháng 1 là _____%; Lãi suất trong tháng 2 đến năm 5 là _____%; Lãi Suất Tối Đa là _____%)</b> | <b>Giải Thích Loại Sản Phẩm Cho Vay Đề Xuất:</b>                 |

**Hoàn Cảnh Thanh Toán**

|   |            |             |          |          |                                       |          |
|---|------------|-------------|----------|----------|---------------------------------------|----------|
| Khoản Thanh Toán Hàng Tháng Tối Thiểu Năm 1--5 trừ khi được ghi chú   | \$ _____** | \$ _____    | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____****<br>(chỉ trong năm thứ 1) | \$ _____ |
| Khoản Thanh Toán Hàng Tháng trong Năm 6 không có thay đổi về lãi suất | \$ _____   | \$ _____*** | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____                              | \$ _____ |
| Khoản Thanh Toán Hàng Tháng trong Năm 6 có lãi suất tăng 2%           | \$ _____   | \$ _____    | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____                              | \$ _____ |
| Khoản Thanh Toán Hàng Tháng Tối Thiểu                                 | \$ _____   | \$ _____    | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____                              | \$ _____ |
| Tổng Thu Nhập Của Quý Vị  | \$ _____   | \$ _____    | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____                              | \$ _____ |
| Chênh Lệch  | \$ _____   | \$ _____    | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____                              | \$ _____ |
| Khoản Thanh Toán Hàng Tháng Tối Đa trong Năm 6 có lãi suất tăng 5%    | \$ _____   | \$ _____    | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____                              | \$ _____ |
| Tổng Thu Nhập Của Quý Vị  | \$ _____   | \$ _____    | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____                              | \$ _____ |
| Chênh Lệch  | \$ _____   | \$ _____    | \$ _____ | \$ _____ | \$ _____                              | \$ _____ |

**Hoàn Cảnh Số Dư Khoản Vay**

|  |   |   |   |   |   |   |
|--|---|---|---|---|---|---|
| Sẽ nợ bao nhiêu sau 5 năm?                         | \$ _____  | \$ _____  | \$ _____  | \$ _____  | \$ _____                                      | \$ _____  |
| Số dư khoản vay có được giảm sau 5 năm thanh toán? | <b>Có</b><br>Số dư khoản vay được giảm \$ _____ | <b>Không</b><br>Số dư khoản vay không được giảm | <b>Có</b><br>Số dư khoản vay được giảm \$ _____ | <b>Không</b><br>Số dư khoản vay không được giảm | <b>Không</b><br>Số dư khoản vay tăng \$ _____ | <b>Không/Co</b><br>Số dư khoản vay: không thay đổi/tăng/giảm \$ _____ |

- \* "Không được cung cấp" cho biết người môi giới không cung cấp sản phẩm cho vay so sánh. Có thể lấy thông tin được cung cấp đối với các sản phẩm không được cung cấp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy.  
 Có  Không
- \*\* Nội dung này minh họa một mức lãi suất và các khoản thanh toán cố định trong kỳ hạn của khoản vay.
- \*\*\* Nội dung này minh họa các khoản thanh toán cố định sau năm năm đầu tiên của khoản vay ở số tiền cao hơn vì chúng gồm cả tiền gốc lẫn tiền lãi.
- \*\*\*\* Nội dung này minh họa những khoản thanh toán hàng tháng tối thiểu dựa trên một mức lãi suất chỉ có hiệu lực trong tháng đầu tiên. Các khoản thanh toán cần thiết trong năm đầu tiên sẽ không đủ để trả tất cả tiền lãi đáo hạn khi lãi suất tăng trong tháng thứ hai của khoản vay. Số tiền lãi chưa thanh toán sẽ được cộng vào số dư khoản vay. Các khoản thanh toán tối thiểu cho các năm 2-5 dựa trên lãi suất cao hơn có hiệu lực vào lúc đó, tuân theo bất kỳ giới hạn hợp đồng nào về tăng khoản thanh toán. Các khoản thanh toán tối thiểu sẽ được điều chỉnh (tính lại) sau 5 năm, hoặc khi số dư khoản vay đạt một giới hạn nhất định, để trả cả tiền gốc lẫn tiền lãi ở mức lãi suất được áp dụng.

**LƯU Ý QUAN TRỌNG:** Vui lòng sử dụng biểu đồ này để trao đổi về các khoản vay có thể với người môi giới hoặc người cho vay của quý vị

**Nếu người môi giới cho vay thế chấp được cấp phép bởi Nha Bất Động Sản tiểu bang California hoạt động với tư cách đại lý của quý vị liên quan đến khoản vay mua nhà/khoản vay thế chấp của quý vị, thì đại lý đó phải có những trách nhiệm ủy thác nhất định đối với quý vị, và luật pháp tiểu bang California quy định những trách nhiệm khác.**

XX. **NGƯỜI VAY LƯU Ý: ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ BẢN CAM KẾT CHO VAY.** Không ký tên vào tuyên bố này cho đến khi quý vị đã đọc và hiểu toàn bộ thông tin trong đó. Quý vị phải điền đầy đủ tất cả các phần trong mẫu đơn này trước khi ký tên. Bảng cách này người vay xác nhận đã nhận một bản sao của tuyên bố này.

|                            |             |                             |                           |
|----------------------------|-------------|-----------------------------|---------------------------|
| Tên Người Môi Giới         | Giấy phép # | Đại Diện Của Người Môi Giới | Giấy phép #               |
| Địa Chỉ Của Người Môi Giới |             |                             |                           |
| Chữ Ký của Người Môi Giới  | Ngày tháng  | HOẶC                        | Chữ Ký của Người Đại Diện |
| Ngày tháng                 | Ngày tháng  | Ngày tháng                  | Ngày tháng                |

Số điện thoại thông tin cấp phép của Nha Bất Động Sản: (877) 373-4542, hoặc kiểm tra tình trạng giấy phép tại [www.dre.ca.gov](http://www.dre.ca.gov)